

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, tinh gọn;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ theo Phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Sở và các Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Trang TTĐT Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, VP (N, 02).

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hoàn

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa
Chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 58/QĐ-SKHCN ngày 28/4/2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	54.622.564.430	54.622.564.430	35.807.881.250	15.121.483.180	3.671.000.000	22.200.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	54.622.564.430	54.622.564.430	35.807.881.250	15.121.483.180	3.671.000.000	22.200.000
1	Chi quản lý nhà nước	13.315.838.107	13.315.838.107	13.315.838.107	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	11.002.346.107	11.002.346.107	11.002.346.107	-	-	-
1.2	KP cải cách tiền lương	-	-	-	-	-	-
1.3	Kinh phí không tự chủ	1.784.492.000	1.784.492.000	1.784.492.000	-	-	-
	- Chi phí thuê tên miền, viết tin bài lên trang thông tin điện tử stt.khanhhoa.gov	15.000.000	15.000.000	15.000.000	-	-	-
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại TT Phục vụ hành chính công	40.400.000	40.400.000	40.400.000	-	-	-
	- Kinh phí trang phục thanh tra	40.000.000	40.000.000	40.000.000	-	-	-



STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
	- Kinh phí chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	40.000.000	40.000.000	40.000.000	-	-	-
	- Kinh phí hoạt động theo dõi, xử lý thông tin sai sự thật, thông tin xấu, độc trên không gian mạng	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-	-
	- Kinh phí triển khai các Đề án chỉ đạo tuyên truyền của tỉnh	780.000.000	780.000.000	780.000.000	-	-	-
	- Chi phí hội đồng đánh giá ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-	-
	- Hoạt động của Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh KH (Ban chỉ đạo xây dựng chuyển đổi số)	50.000.000	50.000.000	50.000.000	-	-	-
	- Kinh phí tập huấn phục vụ chuyển đổi số của tỉnh	324.000.000	324.000.000	324.000.000	-	-	-
	- Kinh phí kiểm tra công tác chuyển đổi số	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-	-
	- Xây dựng, tập huấn Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 3.0	450.000.000	450.000.000	450.000.000	-	-	-
	- Kinh phí trang bị xe ô tô 16 chỗ phục vụ công tác chung	15.092.000	15.092.000	15.092.000	-	-	-
1.4	Kinh phí không tự chủ	529.000.000	529.000.000	529.000.000	-	-	-

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	529.000.000	529.000.000	529.000.000	-	-	-
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	22.492.043.143	22.492.043.143	22.492.043.143	-	-	-
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	0	-	-	-	-
2.2	KP cải cách tiền lương	-	0	-	-	-	-
2.3	Kinh phí không tự chủ	15.742.458.300	15.742.458.300	15.742.458.300	-	-	-
	- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	211.000.000	211.000.000	211.000.000	-	-	-
	- Hội nghị, hội thảo lĩnh vực KHCN	90.000.000	90.000.000	90.000.000	-	-	-
	- Thanh tra hành chính	2.000.000	2.000.000	2.000.000	-	-	-
	- Thanh tra chuyên ngành	135.000.000	135.000.000	135.000.000	-	-	-
	- Giải quyết đơn thư	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-	-
	- Chế độ tiếp công dân theo Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND	25.000.000	25.000.000	25.000.000	-	-	-
	- Quản lý Sở hữu trí tuệ	2.955.000.000	2.955.000.000	2.955.000.000	-	-	-
	- Quản lý An toàn bức xạ hạt nhân	45.000.000	45.000.000	45.000.000	-	-	-
	- Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST	418.000.000	418.000.000	418.000.000	-	-	-
	- Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ đổi mới sáng tạo	405.000.000	405.000.000	405.000.000	-	-	-

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
	- Chi hỗ trợ hoạt động KH&CN cấp cơ sở và các Đoàn, Hội....	315.000.000	315.000.000	315.000.000	-	-	-
	- Chi Hội đồng KH tỉnh và hoạt động quản lý đề tài/dự án KH&CN	1.777.458.300	1.777.458.300	1.777.458.300	-	-	-
	- Chi sự nghiệp khoa học khác	5.413.000.000	5.413.000.000	5.413.000.000	-	-	-
	- Công tác xây dựng và áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước	113.000.000	113.000.000	113.000.000	-	-	-
	- Hoạt động nâng cao năng suất chất lượng	382.000.000	382.000.000	382.000.000	-	-	-
	- Hoạt động xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương	2.981.000.000	2.981.000.000	2.981.000.000	-	-	-
	- Công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng	51.000.000	51.000.000	51.000.000	-	-	-
	- Công tác quản lý đo lường	10.000.000	10.000.000	10.000.000	-	-	-
	- Công tác kiểm tra, kiểm soát	274.000.000	274.000.000	274.000.000	-	-	-
	- Hoạt động thực thi về TBT trong các điều ước quốc tế tại KH	73.000.000	73.000.000	73.000.000	-	-	-
	- Triển khai đề án 996	54.000.000	54.000.000	54.000.000	-	-	-
	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến VBQPPL về chất lượng cho DN	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
2.4	- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (đề tài/ dự án KH&CN) . Trong đó:	6.369.584.843	6.369.584.843	6.369.584.843	-	-	-
	- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (đề tài/ dự án KH&CN) chưa được cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ	2.358.000.000	2.358.000.000	2.358.000.000	-	-	-
	- Chi nhiệm vụ KH&CN đã được cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ - Chi nhiệm vụ khoa học tự nhiên	3.451.315.943	3.451.315.943	3.451.315.943	-	-	-
	- Chi nhiệm vụ KH&CN đã được cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ - Chi nhiệm vụ khoa học xã hội	560.268.900	560.268.900	560.268.900	-	-	-
2.5	- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (Sở, ban ngành thực hiện) . Trong đó:	380.000.000	380.000.000	380.000.000	-	-	-
	- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (Sở, ban ngành thực hiện) chưa được cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ	380.000.000	380.000.000	380.000.000	-	-	-
3	Sự nghiệp Công nghệ thông tin	15.121.483.180	15.121.483.180	-	15.121.483.180	-	-
3.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.807.476.284	1.807.476.284	-	1.807.476.284	-	-
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương	0	0	-	0	-	-
3.3	Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.194.006.896	13.194.006.896	-	13.194.006.896	-	-
	- Chi trực Trung tâm dữ liệu tỉnh	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
	- Chi hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh	2.859.860.062	2.859.860.062	-	2.859.860.062	-	-
	- Chi phí duy trì Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến; Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; Hệ thống thông tin địa lý về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa (GIS)	1.094.891.434	1.094.891.434	-	1.094.891.434	-	-
	- Thuê không gian lưu trữ phục vụ sao lưu dữ liệu cho Trung tâm dữ liệu tỉnh	660.000.000	660.000.000	-	660.000.000	-	-
	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Khánh Hòa	180.523.400	180.523.400	-	180.523.400	-	-
	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Khánh Hòa	4.933.499.000	4.933.499.000	-	4.933.499.000	-	-
	Triển khai Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Khánh Hòa	3.265.233.000	3.265.233.000	-	3.265.233.000	-	-
3.4	Kinh phí không thực hiện tự chủ	120.000.000	120.000.000	-	120.000.000	0	0
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	120.000.000	120.000.000	-	120.000.000	-	-

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UDKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
4	Sự nghiệp khoa học và công nghệ khác	3.693.200.000	3.693.200.000	-	0	3.671.000.000	22.200.000
4.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	987.000.000	987.000.000	-	-	987.000.000	0
4.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	573.000.000	573.000.000	-	-	573.000.000	0
4.3	Kinh phí không tự chủ	2.017.200.000	2.017.200.000	-	-	1.995.000.000	22.200.000
	- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	90.000.000	90.000.000	-	-	90.000.000	-
	- Tuyên truyền phổ biến các kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và các tiến bộ khoa học kỹ thuật	460.000.000	460.000.000	-	-	460.000.000	-
	- Kết nối cung cầu và tư vấn chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	365.000.000	365.000.000	-	-	365.000.000	-
	- Thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ	832.000.000	832.000.000	-	-	832.000.000	-
	- Tính toán Năng suất lao động, TFP, đánh giá mức độ tăng trưởng và đề xuất giải pháp để nâng cao các chỉ tiêu năng suất	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	-
	- Tổ chức kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5	148.000.000	148.000.000	-	-	148.000.000	-
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	22.200.000	22.200.000	-	-	-	22.200.000

STT	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Thông tin và UĐKHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
4.4	Kinh phí không tự chủ	116.000.000	116.000.000	-	-	116.000.000	0
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	116.000.000	116.000.000	-	-	116.000.000	-
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	0